

(Đề thi gồm có 02 trang)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

THỜI GIAN NHÀN RỖI

Người ta thường chia thời gian mỗi ngày thành ba phần: Tám giờ làm việc, tám giờ ngủ và tám giờ nhàn rỗi, mặc dù không phải ai cũng có được tỉ lệ đều đặn như thế. Hai tiếng “nhàn rỗi” gây cho ta ấn tượng tám giờ không làm gì, có vẻ “vô thường vô phạt”, không quan trọng.

Kì thực thời gian nhàn rỗi là cực kì quý báu. Đó là thời gian để mỗi người sống cuộc sống riêng của mình. Đó là thời gian để đọc sách báo, tự học, xem ti vi, chơi thể thao, đàn hát, nhảy múa, vẽ tranh, làm thơ, đi mua sắm, giao lưu với bạn bè, thăm viếng những người ruột thịt,... Thời gian nhàn rỗi làm cho người ta giàu có hơn về trí tuệ, tăng cường thêm về sức khỏe, phát triển thêm về năng khiếu, cá tính, phong phú thêm về tinh thần, quan hệ. Thiếu thời gian nhàn rỗi, đời sống con người sẽ nghèo nàn, thậm chí là không có cuộc sống riêng nữa!

Đánh giá đời sống của mỗi người cao hay thấp hãy nhìn vào thời gian nhàn rỗi của họ. Có người làm việc “đầu tắt mặt tối” không có lấy chút nhàn rỗi. Có người phung phí thời gian ấy vào các cuộc nhậu nhẹt triền miên. Có người biết dùng thời gian ấy để phát triển chính mình. Phải làm sao để mỗi người có thời gian nhàn rỗi và biết sử dụng hữu ích thời gian ấy là một vấn đề lớn của xã hội có văn hóa.

Đánh giá đời sống một xã hội cũng phải xem xã hội ấy đã tạo điều kiện cho con người sống với thời gian nhàn rỗi như thế nào. Công viên, bảo tàng, thư viện, nhà hát, nhà hàng, câu lạc bộ, sân vận động, điểm vui chơi,... là những cái không thể thiếu. Xã hội càng phát triển thì các phương tiện ấy càng nhiều, càng đa dạng và càng hiện đại. Xã hội ta đang chăm lo các phương tiện ấy, nhưng vẫn còn chậm, còn sơ sài, chưa có sự quan tâm đúng mức, nhất là ở các vùng nông thôn.

Thời gian nhàn rỗi chính là thời gian của văn hóa và phát triển. Mọi người và toàn xã hội hãy chăm lo thời gian nhàn rỗi của mỗi người.

(Theo Hữu Thọ, *Ngữ Văn 11 Nâng cao*,
tập hai, NXB Giáo dục, 2007, tr. 94)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra một thành ngữ dân gian được sử dụng trong văn bản.

Câu 3 (0,5 điểm). Theo tác giả, vì sao “Thiếu thời gian nhàn rỗi, đời sống con người sẽ nghèo nàn”?

Câu 4 (1,5 điểm). Anh/chị hãy giải thích tại sao “Đánh giá đời sống một xã hội cũng phải xem xã hội ấy đã tạo điều kiện cho con người sống với thời gian nhàn rỗi như thế nào” ?

Phần II. Tạo lập văn bản (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Cha ông ta thường nói “*Nhàn cư vi bất thiện*” (nhàn rỗi thường nảy sinh những hành vi xấu), còn Hữu Thọ lại khẳng định “*Thời gian nhàn rỗi làm cho người ta giàu có hơn về trí tuệ, tăng cường thêm về sức khỏe, phát triển thêm về năng khiếu, cá tính, phong phú thêm về tinh thần, quan hệ*”.

Ý kiến của anh/chị về vấn đề trên? (Trình bày bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ).

Câu 2. (5,0 điểm)

Nhận xét về bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh, có ý kiến cho rằng “*Bài thơ gợi lên sự phong phú trong tâm hồn người con gái đang yêu: vừa nồng nhiệt vừa dè dặt, vừa tin tưởng vừa hoài nghi*”(Dẫn theo *Sách Giáo viên - Ngữ Văn Nâng cao 12*, tập một, NXB Giáo dục, 2007, tr.118).

Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua đoạn thơ sau:

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

*Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh – một phương*

*Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở*

*Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa*

*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.*

(Trích *Sóng*, Xuân Quỳnh, *Ngữ Văn 12*, tập một, NXB Giáo dục 2010, tr. 155-156).

.....**Hết**.....

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản: nghị luận/phương thức nghị luận.	0,5
	2	Học sinh chỉ ra được <u>một trong hai</u> thành ngữ dân gian sau: - Vô thương vô phạt. - Đầu tắt mặt tối.	0,5
	3	Tác giả cho rằng: “Thiếu thời gian nhàn rỗi, đời sống con người sẽ nghèo nàn” bởi: - Đó là thời gian để mỗi người sống cuộc sống riêng của mình; - Thời gian nhàn rỗi làm cho người ta giàu có hơn về trí tuệ, tăng cường thêm về sức khỏe, phát triển thêm về năng khiếu, cá tính, phong phú thêm về tinh thần, quan hệ.	0,5
	4	“Đánh giá đời sống một xã hội cũng phải xem xã hội ấy đã tạo điều kiện cho con người sống với thời gian nhàn rỗi như thế nào” vì: - Mỗi cá nhân là một tế bào của xã hội, nên khi đánh giá xã hội phải dựa trên đời sống của từng cá nhân. - Thời gian nhàn rỗi lại là một tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng đời sống, trình độ nhận thức cao hay thấp của mỗi người. - Sự quan tâm của xã hội đối với đời sống con người khẳng định sự tiến bộ, phát triển của xã hội đó. (<i>Câu trả lời có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo nội dung cơ bản trên</i>)	1,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến về 2 quan điểm.	2,0
		a. Đảm bảo hình thức: Một đoạn văn khoảng 200 chữ	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>Bàn luận về hai cách đánh giá khác nhau về tác động của thời gian nhàn rỗi.</i>	0,25
		c. Triển khai vấn đề một cách mạch lạc, lập luận chặt chẽ các nội dung cơ bản sau:	1,0

	<ul style="list-style-type: none"> - Hai quan điểm trái ngược nhau: + Quan điểm của ông cha ta đánh giá mặt tiêu cực của thời gian nhàn rỗi. + Quan điểm của Hữu Thọ đánh giá mặt tích cực của thời gian nhàn rỗi. - Cả hai quan điểm mới chỉ nhìn nhận tác động của thời gian nhàn rỗi ở một phương diện. - Tác động tích cực hay tiêu cực của thời gian nhàn rỗi phụ thuộc vào ý thức sử dụng của mỗi người... - Rút ra bài học về cách sử dụng hữu ích thời gian nhàn rỗi. 	
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận.	0,25
	e. Đảm bảo quy tắc dùng từ, đặt câu, chính tả...	0,25
2	Phân tích đoạn thơ trong tác phẩm “Sóng” để làm sáng tỏ nhận xét: “Bài thơ gọi lên sự phong phú trong tâm hồn người con gái đang yêu: vừa nồng nhiệt vừa dè dặt, vừa tin tưởng vừa hoài nghi”.	5,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý/đoạn văn, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>Sự phong phú trong tâm hồn người con gái đang yêu: vừa nồng nhiệt vừa dè dặt, vừa tin tưởng vừa hoài nghi.</i>	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,25
	* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.	0,5
	* Nêu nội dung ý kiến: <i>Bài thơ Sóng gọi lên sự phong phú trong tâm hồn người con gái đang yêu: vừa nồng nhiệt vừa dè dặt, vừa tin tưởng vừa hoài nghi.</i>	0,25
	* Chứng minh ý kiến <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tâm hồn nồng nhiệt, tin tưởng vào tình yêu:</i> + Thường trực nỗi nhớ tha thiết, khắc khoải; + Tấm lòng son sắt, thủy chung, tin tưởng vào kết quả tốt đẹp của tình yêu; + Khát khao tận hiến, tận dâng, nguyện hi sinh hết mình cho tình yêu đích thực; - <i>Tâm hồn dè dặt, hoài nghi</i> : lo âu trước sự hữu hạn của cuộc đời, sự mong manh khó bền chặt của tình yêu, hạnh phúc. - Nghệ thuật: Hình ảnh ẩn dụ <i>sóng</i>, phép nhân hóa, các thủ 	2,0

		pháp hô ứng, đảg đối, trùng điệp, thể thơ ngũ ngôn trường thiên tạo nên nhịp điệu sống, âm điệu sống...	
		<p>* Bình luận, mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ thể hiện những cung bậc cảm xúc phong phú, phức tạp trong tâm hồn người con gái đang yêu (yêu thương, nhớ nhung, khát khao, say đắm, thoáng vui, thoáng buồn...); - Tiếng nói tình yêu chân thành, mãnh liệt <i>vừa có tính chất truyền thống như tình yêu muôn đời vừa có tính hiện đại như tình yêu hôm nay</i>; - Đặc trưng hồn thơ Xuân Quỳnh: giàu trực cảm, da diết khát vọng hạnh phúc đời thường; - Bài học nhận thức về một tình yêu đích thực. 	1,0
		d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
		ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm	

***Lưu ý chung:**

1. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên hướng dẫn chấm chỉ gợi mở những ý cơ bản. Bài làm của thí sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm. Đánh giá cao kỹ năng lập luận, trình bày vấn đề.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.
3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Bài viết có thể không giống hướng dẫn chấm, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.
4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng hoặc phần thân bài ở câu 2 phần II chỉ viết một đoạn văn.
5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.

----- Hết -----

Tuyensinh247.com